

Số: /2025/QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Quy định Điều lệ tổ chức và hoạt động
của Quỹ phát triển đất Hưng Yên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 số 43/2024/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dữ trữ Quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính số 56/2024/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về Quỹ phát triển đất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 247/TTr-STC ngày 25 tháng 9 năm 2025 về dự thảo Quyết định quy định Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển đất Hưng Yên;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Quy định Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển đất Hưng Yên.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển đất Hưng Yên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Quỹ phát triển đất.
- Tổ chức được ứng vốn từ Quỹ.

3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Quỹ.

Điều 3. Tên gọi, trụ sở làm việc

1. Tên gọi: Quỹ phát triển đất Hưng Yên.
2. Trụ sở làm việc: Số 2 Đoàn Thị Điểm, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên.
3. Số điện thoại: 02213.863.435
4. Web: quyphattriendathungyen.gov.vn

Điều 4. Địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân của Quỹ phát triển đất

1. Quỹ phát triển đất Hưng Yên (sau đây gọi chung là Quỹ) là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập, hoạt động độc lập với ngân sách nhà nước, không vì mục đích lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn.

2. Quỹ có tư cách pháp nhân, có con dấu, có tài khoản, hạch toán độc lập, có vốn điều lệ.

3. Quỹ có chức năng tiếp nhận, huy động vốn theo quy định để thực hiện nhiệm vụ ứng vốn và được hoàn trả vốn ứng theo quy định tại Điều 114 Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Quyết định này và pháp luật có liên quan.

Điều 5. Nguyên tắc hoạt động của Quỹ

1. Quỹ hoạt động theo nguyên tắc bảo toàn và phát triển vốn, không vì mục đích lợi nhuận.

2. Việc sử dụng Quỹ phải đúng mục đích, công khai, minh bạch, hiệu quả và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 6. Nhiệm vụ của Quỹ

1. Quản lý, bảo toàn và phát triển vốn.

2. Thực hiện các nhiệm vụ ứng vốn theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền; thực hiện thu hồi vốn ứng theo quy định.

3. Chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý tài chính, tài sản, kế toán, kiểm toán và các quy định khác có liên quan.

4. Quyết định dừng, thu hồi vốn ứng khi phát hiện tổ chức được ứng vốn vi phạm quy định về sử dụng vốn ứng hoặc chậm hoàn trả vốn ứng.

5. Kiểm tra đối với việc sử dụng vốn ứng và thu hồi vốn ứng theo khoản 6 Điều 15 Quyết định này; xác định chi phí quản lý vốn ứng theo quy định tại Điều 16 Quyết định này.

6. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo quy định; báo cáo đột xuất về tình hình quản lý, sử dụng vốn hoạt động của Quỹ theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền.

7. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Quyết định này và pháp luật có liên quan.

Điều 7. Quyền hạn của Quỹ

1. Tổ chức quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ theo đúng mục tiêu và các nhiệm vụ được giao.
2. Ban hành quy chế, quy trình nghiệp vụ để điều hành hoạt động của Quỹ.
3. Kiểm tra việc tuân thủ mục đích sử dụng vốn ứng của dự án, nhiệm vụ được Quỹ ứng vốn.
4. Xử lý theo thẩm quyền, hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý vi phạm của tổ chức, cá nhân trong việc quản lý, sử dụng và hoàn trả vốn ứng.
5. Các quyền hạn khác theo quy định tại Quyết định này và pháp luật có liên quan.

Chương II

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG QUỸ

Điều 8. Cơ cấu tổ chức và mô hình hoạt động

1. Cơ cấu tổ chức của Quỹ gồm có:
 - a) Hội đồng quản lý;
 - b) Ban kiểm soát;
 - c) Cơ quan điều hành nghiệp vụ.
2. Thành phần, nhiệm vụ, quyền hạn và chế độ làm việc của Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát, Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ được thực hiện theo quy định tại các Điều 9, Điều 10, Điều 11 Quyết định này.
3. Quỹ hoạt động theo mô hình độc lập.

Điều 9. Hội đồng quản lý

1. Hội đồng quản lý Quỹ có 05 (năm) thành viên, gồm: Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch và các thành viên, trong đó:
 - a) Chủ tịch Hội đồng quản lý là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
 - b) Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý là Giám đốc Quỹ;
 - c) Thành viên khác của Hội đồng quản lý là Lãnh đạo các Sở: Sở Tài chính; Nông nghiệp và Môi trường; Sở Xây dựng;
 - d) Thành viên của Hội đồng quản lý không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh chị em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của các thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Quỹ và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng.
2. Thành viên của Hội đồng quản lý hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.
3. Việc kiện toàn Hội đồng quản lý do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản lý.

4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý:

- a) Quản lý và sử dụng nguồn vốn của Quỹ theo đúng quy định tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP và Quyết định này; bảo toàn và phát triển vốn;
- b) Ban hành hoặc sửa đổi quy chế, quy trình nghiệp vụ và các quy chế khác theo quy định tại Quyết định này; phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản lý;
- c) Giám sát, kiểm tra Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ trong việc chấp hành chính sách, pháp luật và việc thực hiện các quyết định của Hội đồng quản lý;
- d) Phê duyệt kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát; phê duyệt kế hoạch ứng vốn từ Quỹ;
- đ) Phối hợp với Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Quyết định theo quy định;
- e) Quyết định việc khen thưởng, kỷ luật thực hiện theo quy định của pháp luật;
- g) Chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Hội đồng quản lý và chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc được phân công trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và pháp luật;
- h) Được sử dụng con dấu của Quỹ để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý;
- i) Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của Quyết định này và pháp luật có liên quan;

5. Chế độ làm việc của Hội đồng quản lý:

- a) Hội đồng quản lý họp thường kỳ ít nhất 01 lần/năm, có thể họp đột xuất để giải quyết các vấn đề cần thiết, cấp bách của Quỹ;
- b) Các cuộc họp của Hội đồng quản lý chỉ có hiệu lực khi có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự. Trường hợp không tổ chức họp, việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản lý được thực hiện bằng văn bản;
- c) Các kết luận của Hội đồng quản lý được thể hiện bằng nghị quyết hoặc quyết định của Hội đồng quản lý;
- d) Hội đồng quản lý quyết định các vấn đề theo nguyên tắc đa số bằng biểu quyết, mỗi thành viên Hội đồng quản lý có một phiếu biểu quyết với quyền biểu quyết ngang nhau. Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý có hiệu lực khi có trên 50% trong tổng số thành viên Hội đồng quản lý biểu quyết hoặc lấy ý kiến bằng văn bản có ý kiến tán thành. Trường hợp số phiếu bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản lý hoặc người chủ trì cuộc họp Hội đồng quản lý (trong trường hợp biểu quyết tại cuộc họp).

Điều 10. Ban kiểm soát

- 1. Ban kiểm soát giúp Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng quản lý kiểm soát hoạt động của Quỹ.

2. Ban kiểm soát có 03 thành viên (thuộc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng), gồm: Trưởng ban và các thành viên Ban kiểm soát. Thành viên Ban kiểm soát hoạt động kiêm nhiệm

Việc kiện toàn Ban kiểm soát Quỹ do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ.

3. Thành viên của Ban kiểm soát không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh chị em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của các thành viên Hội đồng quản lý, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng Quỹ và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

4. Việc khen thưởng, kỷ luật các thành viên của Ban kiểm soát thực hiện theo quy định của pháp luật

5. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát

a) Kiểm tra, giám sát việc chấp hành chính sách pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ, các quy chế, quy trình của Quỹ;

b) Kiểm tra, giám sát tính hợp pháp, trung thực của Hội đồng quản lý, Giám đốc Quỹ trong việc quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ;

c) Thẩm định báo cáo tài chính của Quỹ theo quy định của pháp luật;

d) Lập kế hoạch hoạt động, trình Hội đồng quản lý phê duyệt; báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về công tác kiểm tra, giám sát;

đ) Thực hiện nhiệm vụ khác do Hội đồng quản lý và Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

Điều 11. Cơ quan điều hành nghiệp vụ

1. Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ gồm:

a) Giám đốc Quỹ: là người đại diện theo pháp luật của Quỹ, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng quản lý và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Quỹ.

b) 01 Phó Giám đốc: Phó Giám đốc Quỹ có nhiệm vụ giúp Giám đốc Quỹ điều hành hoạt động của Quỹ theo phân công và ủy quyền; chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.

c) Kế toán trưởng

d) Các Phòng nghiệp vụ gồm: Phòng Tổ chức – Hành chính – Kế toán và Phòng Kế hoạch – Nghiệp vụ.

Trường hợp thay đổi cơ cấu tổ chức của Cơ quan điều hành nghiệp vụ, Giám đốc Quỹ báo cáo Hội đồng quản lý trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

2. Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ hoạt động chuyên trách.

3. Biên chế Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ là viên chức.

4. Việc tuyển dụng, quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh khác của Cơ quan điều hành nghiệp vụ thực hiện theo quy định của pháp luật về viên chức.

5. Nhiệm vụ và quyền hạn của Cơ quan điều hành nghiệp vụ:

a) Tổ chức điều hành hoạt động của Quỹ theo quy định tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP và Quyết định này, các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ;

b) Trình Hội đồng quản lý ban hành quy chế, quy trình nghiệp vụ và các quy chế khác quy định tại Quyết định này;

c) Tổng hợp, xây dựng Kế hoạch ứng vốn của Quỹ để trình Hội đồng quản lý Quỹ theo quy định tại Quyết định này;

d) Trực tiếp quản lý nguồn vốn hoạt động, tài sản của Quỹ;

đ) Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP và quy định của pháp luật.

Chương III HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

Điều 12. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ

1. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ gồm:

a) Vốn điều lệ: Vốn điều lệ của Quỹ được cấp từ nguồn chi đầu tư phát triển của ngân sách địa phương và cấp từ nguồn chênh lệch thu lớn hơn chi (nếu có) của Quỹ sau khi trích lập các quỹ và thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách của địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định mức vốn điều lệ bổ sung cấp cho Quỹ.

b) Vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật, gồm: Vốn viện trợ, tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước theo chương trình hoặc dự án viện trợ, tài trợ và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định.

2. Việc cấp vốn điều lệ cho Quỹ được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật về ngân sách nhà nước áp dụng đối với quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách.

3. Vốn hoạt động của Quỹ được gửi tại Kho bạc Nhà nước, các ngân hàng thương mại có vốn chi phối của Nhà nước trên địa bàn bảo đảm an toàn, hiệu quả.

Quỹ mở tài khoản riêng tại Kho bạc Nhà nước, tài khoản thanh toán tại các ngân hàng thương mại có vốn chi phối của Nhà nước trên địa bàn để quản lý vốn điều lệ của Quỹ. Vốn điều lệ của Quỹ chỉ được sử dụng để thực hiện nhiệm vụ ứng vốn và được hoàn trả vốn ứng theo quy định tại Nghị định 104/2024/NĐ-CP và Quyết định này.

Điều 13. Sử dụng vốn hoạt động của Quỹ

1. Vốn hoạt động của Quỹ được sử dụng để:

a) Ứng vốn cho chủ đầu tư dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, đơn vị, tổ chức của Nhà nước được giao thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật về nhà ở (trừ các dự án đầu tư bằng nguồn vốn không phải nguồn ngân sách nhà nước);

b) Ứng vốn cho tổ chức phát triển quỹ đất để tạo lập, phát triển quỹ đất tái định cư, tạo quỹ đất để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất nộp ngân sách nhà nước;

Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp xã chưa hoặc không thành lập đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện các nhiệm vụ của tổ chức phát triển quỹ đất thì đối tượng ứng vốn là đơn vị, tổ chức của Nhà nước được cấp có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ này.

c) Ứng vốn thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc ứng vốn từ Quỹ thực hiện theo quy định tại các Điều 14, Điều 15 Quyết định này; việc hoàn trả vốn ứng cho Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 17 Quyết định này.

Điều 14. Kế hoạch và điều kiện ứng vốn từ Quỹ

1. Kế hoạch ứng vốn; ứng vốn bổ sung:

a) Định kỳ trước ngày 30/11 hàng năm, căn cứ vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và nhu cầu ứng vốn, các tổ chức được ứng vốn quy định tại khoản 1 Điều 13 Quyết định này làm văn bản đề xuất ứng vốn của năm tiếp theo gửi Quỹ;

b) Căn cứ vào đề xuất ứng vốn tại điểm a khoản này và nguồn vốn cân đối của Quỹ, Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ lập kế hoạch ứng vốn, trình Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt kế hoạch ứng vốn hàng năm theo nguyên tắc chỉ giao tổng nguồn vốn ứng tối đa và danh mục các dự án ứng vốn;

c) Trường hợp trong năm kế hoạch phát sinh thêm dự án, nhiệm vụ có nhu cầu ứng vốn từ Quỹ thì việc lập, phê duyệt Kế hoạch ứng vốn bổ sung thực hiện như quy định tại điểm b khoản này.

2. Điều kiện ứng vốn:

a) Có văn bản đề nghị ứng vốn của tổ chức được ứng vốn;

b) Có trong Kế hoạch ứng vốn hoặc ứng vốn bổ sung từ Quỹ được Hội đồng quản lý phê duyệt;

c) Dự án, nhiệm vụ đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt hoặc giao thực hiện;

d) Có phương án hoàn trả vốn ứng;

đ) Vốn hoạt động của Quỹ tại thời điểm ứng vốn đáp ứng được yêu cầu ứng vốn.

Điều 15. Thẩm quyền quyết định, trình tự, thủ tục thực hiện ứng vốn

1. Thẩm quyền quyết định ứng vốn:

a) Căn cứ Kế hoạch ứng vốn, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định ứng vốn đối với các dự án, nhiệm vụ có mức vốn ứng dưới 30 tỷ đồng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định ứng vốn đối với các dự án, nhiệm vụ có mức vốn ứng từ 30 tỷ đồng trở lên.

Quỹ phát triển đất có trách nhiệm rà soát điều kiện ứng vốn quy định tại khoản 2 Điều 14 Quyết định này đảm bảo theo quy định trước khi trình người có thẩm quyền quyết định ứng vốn.

b) Căn cứ Quyết định ứng vốn của người có thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản này, Giám đốc Quỹ quyết định giải ngân cho các dự án, nhiệm vụ theo đề nghị của tổ chức ứng vốn và tiến độ thực hiện dự án.

c) Trường hợp điều chỉnh dự án của cấp có thẩm quyền ảnh hưởng đến phương án bố trí nguồn hoàn trả vốn ứng, Giám đốc Quỹ báo cáo người có thẩm quyền quyết định ứng vốn điều chỉnh trên cơ sở đề nghị của tổ chức ứng vốn, tối đa không quá thời gian thực hiện dự án.

2. Trình tự, thủ tục thực hiện ứng vốn:

a) Trên cơ sở Kế hoạch ứng vốn đã phê duyệt, tổ chức được ứng vốn lập 01 bộ hồ sơ đề nghị ứng vốn gửi Quỹ. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của tổ chức được ứng vốn về việc đề nghị ứng vốn (trong đó nêu rõ kế hoạch, tiến độ thực hiện khối lượng công việc; phương án hoàn trả vốn ứng; cam kết sử dụng vốn ứng đúng mục đích và hoàn trả vốn ứng đúng thời hạn): 01 bản chính.

Hồ sơ, tài liệu liên quan đến điều kiện ứng vốn quy định tại khoản 2 Điều 14 Quyết định này: 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Quỹ trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này quyết định mức vốn ứng nếu đủ điều kiện hoặc có văn bản thông báo và trả lại hồ sơ cho tổ chức đề nghị ứng vốn nếu không đủ điều kiện theo quy định.

3. Căn cứ Quyết định ứng vốn, Quỹ kiểm soát hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của hồ sơ, lập chứng từ chuyển tiền gửi Kho bạc Nhà nước, ngân hàng thương mại nơi mở tài khoản. Chậm nhất 01 ngày làm việc, Kho bạc Nhà nước nơi mở tài khoản chuyển tiền cho đối tượng thụ hưởng theo đề nghị của Quỹ. Ngân hàng thương mại nơi mở tài khoản thanh toán thực hiện lệnh chuyển tiền của Quỹ cho đối tượng thụ hưởng theo quy định.

4. Việc ứng vốn được thực hiện một lần hoặc nhiều lần trên cơ sở tiến độ thực hiện và nhu cầu ứng vốn của từng dự án, nhiệm vụ. Trường hợp thực hiện ứng vốn nhiều lần cho cùng một dự án, nhiệm vụ thì tổ chức được ứng vốn có văn bản đề nghị ứng vốn và hồ sơ, tài liệu khác có liên quan đến việc ứng vốn theo từng lần.

5. Trách nhiệm của tổ chức được ứng vốn:

a) Sử dụng vốn ứng để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 13 Quyết định này đúng mục đích, đúng quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về việc sử dụng vốn ứng theo quy định của pháp luật. Không sử dụng vốn ứng thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 13 Quyết định này để sử dụng vào mục đích khác;

b) Thực hiện trả chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ theo quy định tại Điều 16 Quyết định này;

c) Thông báo cho cơ quan, người có thẩm quyền ban hành Quyết định hoàn trả vốn ứng cho Quỹ và thực hiện hoàn trả vốn ứng cho Quỹ theo quy định tại Điều 17 Quyết định này.

6. Quỹ có trách nhiệm kiểm tra đối với việc sử dụng vốn ứng từ Quỹ và thu hồi vốn ứng theo quy định.

Điều 16. Chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ

1. Mức chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ bằng mức lãi suất áp dụng đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam của Kho bạc Nhà nước tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong cùng thời kỳ.

2. Chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ được tính trong chi phí khác thuộc tổng mức đầu tư của dự án, dự toán của nhiệm vụ.

Điều 17. Quy định về hoàn trả vốn ứng cho Quỹ

1. Hoàn trả vốn ứng từ nguồn vốn của dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt:

a) Tổ chức được ứng vốn theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Quyết định này lập hồ sơ đề nghị hoàn trả vốn ứng cho Quỹ, gửi Kho bạc Nhà nước nơi tổ chức được ứng vốn mở tài khoản. Hồ sơ gồm:

Giấy đề nghị hoàn trả vốn ứng cho Quỹ (trong đó nêu rõ số tiền ứng vốn từ Quỹ chưa hoàn trả, thời hạn ứng): 02 bản chính.

Giấy rút vốn theo mẫu quy định tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 104/2024/NĐ-CP: 02 bản chính và đối với trường hợp gửi hồ sơ qua Trang thông tin dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước, các thành phần hồ sơ phải được ký số theo quy định.

Quyết định ứng vốn từ Quỹ của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 15 Quyết định này: 01 bản sao; Quyết định giao kế hoạch vốn hằng năm của dự án (trong đó có số tiền hoàn trả vốn ứng cho Quỹ): 01 bản sao.

Quyết định hoàn trả vốn ứng cho Quỹ của cơ quan, người có thẩm quyền quyết định phê duyệt dự án đầu tư: 01 bản chính.

b) Chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, Kho bạc Nhà nước kiểm soát tính hợp pháp của hồ sơ

do tổ chức được ứng vốn gửi; trường hợp đảm bảo đúng quy định thì Kho bạc Nhà nước chuyển tiền cho Quỹ; trường hợp không đúng quy định thì Kho bạc Nhà nước từ chối chuyển tiền.

Các nội dung khác về quy trình thủ tục giao dịch tại Kho bạc Nhà nước thực hiện theo quy định của Chính phủ về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước.

c) Việc quyết toán dự án hoàn thành thực hiện theo quy định của pháp luật về quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

2. Hoàn trả vốn ứng trong trường hợp còn lại (không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này).

a) Căn cứ số tiền ứng vốn chưa hoàn trả cho Quỹ (bao gồm cả số tiền ứng vốn của kỳ trước nếu có), thời hạn ứng và phương án hoàn trả vốn cho Quỹ; tổ chức được ứng vốn báo cáo cấp có thẩm quyền của địa phương để bố trí trong dự toán ngân sách chi đầu tư phát triển khác của cấp tương ứng để hoàn trả vốn ứng cho Quỹ;

b) Nguồn hoàn trả vốn ứng cho Quỹ được bố trí trong dự toán chi đầu tư phát triển khác. Việc lập, thẩm định, phê duyệt dự toán ngân sách được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;

c) Căn cứ dự toán ngân sách được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, tổ chức được ứng vốn lập hồ sơ đề nghị hoàn trả vốn ứng cho Quỹ, gửi Kho bạc Nhà nước. Hồ sơ gồm:

Giấy đề nghị hoàn trả vốn ứng (trong đó nêu rõ số tiền ứng vốn từ Quỹ chưa hoàn trả, thời hạn ứng): 02 bản chính.

Giấy rút vốn theo mẫu quy định tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 104/2024/NĐ-CP: 02 bản chính và đối với trường hợp gửi hồ sơ qua Trang thông tin dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước, các thành phần hồ sơ phải được ký số theo quy định.

Quyết định giao dự toán ngân sách của cơ quan, người có thẩm quyền: 01 bản sao.

Quyết định hoàn trả vốn ứng của cơ quan, người có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ: 01 bản chính.

d) Chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm c khoản này, Kho bạc Nhà nước kiểm soát tính hợp pháp của hồ sơ; trường hợp đảm bảo đúng quy định thì Kho bạc Nhà nước chuyển tiền cho Quỹ; trường hợp không đúng quy định thì Kho bạc Nhà nước từ chối chuyển tiền.

Các nội dung khác về quy trình thủ tục giao dịch tại Kho bạc Nhà nước thực hiện theo quy định của Chính phủ về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước.

đ) Tổ chức được ứng vốn thực hiện quyết toán số tiền hoàn trả vốn ứng cho Quỹ cùng với quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm.

3. Số tiền thanh toán quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này được hoàn trả vốn ứng cho Quỹ để tiếp tục thực hiện nhiệm vụ ứng vốn quy định tại Quyết định này, không được sử dụng vào mục đích khác.

4. Trường hợp số tiền đã ứng nhưng chưa sử dụng hết (nếu có) phải hoàn trả cho Quỹ trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc sử dụng vốn ứng cho nội dung đã đề nghị nhưng không sử dụng hết.

Điều 18. Hoạt động nhận ủy thác của Quỹ

Việc nhận ủy thác của Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định 104/2024/NĐ-CP.

Chương IV

CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN VÀ BÁO CÁO CỦA QUỸ

Điều 19. Chế độ tài chính và quản lý, sử dụng tài sản của Quỹ

1. Năm tài chính của Quỹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2. Chế độ tài chính (bao gồm cả cơ chế tiền lương, các khoản phụ cấp của cán bộ quản lý, người lao động) và quản lý, sử dụng tài sản của Quỹ thực hiện theo quy định áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập. Các nội dung cụ thể liên quan đến chế độ tài chính của Quỹ được quy định tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP và Quyết định này.

3. Đất trụ sở của Quỹ thực hiện theo chế độ sử dụng đất áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 20. Các khoản thu, chi của Quỹ

1. Các khoản thu gồm:

a) Khoản thu từ chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ theo quy định tại Điều 16 Quyết định này;

b) Lãi tiền gửi theo quy định của pháp luật;

c) Khoản thu từ việc nhận ủy thác quản lý quỹ khác quy định tại Điều 18 Quyết định này;

d) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

2. Các khoản chi gồm:

a) Chi phục vụ hoạt động ứng vốn, thu hồi vốn ứng, quản lý vốn hoạt động của Quỹ;

b) Chi tiền lương, các khoản phụ cấp và các khoản chi khác cho Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ theo quy định áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập;

c) Chi hỗ trợ phụ cấp cho các thành viên Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát Quỹ theo quy định áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập và mức chi cụ thể được quy định tại Quy chế chi tiêu nội bộ của Quỹ;

d) Các khoản nộp ngân sách nhà nước và các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

3. Hội đồng quản lý Quỹ có trách nhiệm ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của Quỹ để làm căn cứ thực hiện, quản lý việc chi tiêu của Quỹ.

4. Không sử dụng vốn điều lệ của Quỹ để chi cho các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này. Chênh lệch thu lớn hơn chi (nếu có) sau khi trích lập các quỹ và thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước theo quy định được bổ sung vốn điều lệ của Quỹ.

5. Quỹ có trách nhiệm quyết toán các khoản thu, chi của Quỹ theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Chế độ kế toán, báo cáo

1. Quỹ thực hiện chế độ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán áp dụng cho quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, đảm bảo phản ánh đầy đủ, kịp thời, trung thực, chính xác, khách quan các hoạt động kinh tế, tài chính.

2. Hàng năm, Quỹ có trách nhiệm gửi báo cáo tài chính năm của Quỹ cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

Báo cáo tài chính năm của Quỹ được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật. Thời gian gửi báo cáo chậm nhất là 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Việc kiểm tra, giám sát, kiểm soát, thanh tra và kiểm toán đối với Quỹ được thực hiện theo Quyết định này và quy định của pháp luật.

Chương V

MỐI QUAN HỆ VÀ TRÁCH NHIỆM

Điều 22. Mối quan hệ và trách nhiệm giữa Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát, Giám đốc Quỹ trong điều hành quản lý hoạt động của Quỹ

1. Hội đồng quản lý là cơ quan trực tiếp lãnh đạo mọi mặt hoạt động của Quỹ để đạt được mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh giao thông qua việc ban hành các quy chế, quy định theo thẩm quyền. Phương thức lãnh đạo bằng Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý hoặc ủy quyền cho Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ trong điều hành các nhiệm vụ cụ thể.

2. Ban kiểm soát thực hiện kiểm soát hoạt động của Quỹ định kỳ theo quy định. Giám đốc Quỹ cung cấp đầy đủ các báo cáo, hồ sơ, chứng từ một cách kịp thời, minh bạch theo yêu cầu của Ban kiểm soát và kịp thời tổ chức thực hiện nghiêm túc các kiến nghị sau kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát. Tại các phiên họp thường kỳ của Hội đồng quản lý phải có sự tham dự của Ban kiểm soát Quỹ.

3. Giám đốc Quỹ phải thường xuyên báo cáo, xin ý kiến về các vấn đề cụ thể theo Quy chế làm việc của Hội đồng quản lý, tham mưu cho Hội đồng quản lý chuẩn bị nội dung và tổ chức các phiên họp của Hội đồng quản lý, tổ chức thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý.

Điều 23. Mối quan hệ giữa Quỹ với các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan

1. Với Hội đồng nhân dân tỉnh:
 - a) Chịu sự giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh về thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh trong hoạt động của Quỹ theo quy định;
 - b) Quỹ có trách nhiệm cung cấp đầy đủ số liệu, báo cáo tình hình hoạt động của Quỹ theo yêu cầu;
2. Với Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:
 - a) Chấp hành sự lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao thuộc chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền của Quỹ;
 - b) Quỹ có trách nhiệm thực hiện đầy đủ chế độ thông tin, báo cáo về tình hình tài chính, hoạt động của Quỹ định kỳ hoặc đột xuất theo quy định.
3. Với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh:
 - a) Phối hợp thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao của mỗi bên trên tinh thần hợp tác nhằm thực hiện tốt các nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân tỉnh giao, phục vụ sự phát triển chung của tỉnh;
 - b) Quỹ có trách nhiệm cung cấp thông tin theo yêu cầu quản lý của các cơ quan, đơn vị đối với các nội dung công việc có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ được giao;
 - c) Quỹ chịu sự kiểm tra, giám sát, thanh tra của một số cơ quan, đơn vị đối với các nội dung công việc có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 24. Mối quan hệ giữa Quỹ với tổ chức được ứng vốn

1. Tổ chức được ứng vốn có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu liên quan theo yêu cầu của Quỹ; chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của tài liệu trong hồ sơ đề nghị ứng vốn gửi Quỹ; cam kết hoàn trả vốn ứng và chi phí quản lý vốn ứng đúng thời hạn; lập dự toán hoàn trả vốn ứng, chi phí quản lý vốn ứng trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; quản lý, sử dụng vốn ứng đúng đối tượng, đúng mục đích, công khai, minh bạch và có hiệu quả, không sử dụng vốn ứng vào mục đích khác.
2. Thỏa thuận giữa Quỹ và các tổ chức được ứng vốn phải được xác lập bằng văn bản (bao gồm cả nghĩa vụ hoàn trả vốn ứng, chi phí quản lý vốn ứng và thời gian tính chi phí quản lý vốn ứng) giữa hai bên gắn với việc sử dụng vốn ứng hiệu quả, đúng mục đích, đúng quy định của pháp luật.

Chương VI
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 25. Xử lý chuyển tiếp

Các dự án đã thực hiện ứng vốn theo đúng quy định của Nghị định số 104/2024/NĐ-CP trước ngày bàn giao mà đến thời điểm bàn giao chưa hoàn

thành thì tiếp tục thực hiện theo Quyết định của cấp có thẩm quyền. Việc hoàn trả vốn ứng và chi phí quản lý vốn ứng được thực hiện theo Điều 17 và Điều 18 của Nghị định số 104/2024/NĐ-CP và Quyết định này.

Điều 26. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương

1. Quỹ Phát triển đất: Tổ chức triển khai Quyết định này, trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, Quỹ tổng hợp, báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ phối hợp với Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung Quyết định này cho phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Sở Tài chính:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan trình cấp có thẩm quyền phê duyệt bổ sung vốn điều lệ và hoàn trả các dự án, nhiệm vụ ứng vốn theo Điều 17 Quyết định này;

b) Hướng dẫn Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ chấp hành các chế độ chính sách về tài chính, ngân sách, kế toán có liên quan đến hoạt động của Quỹ; phối hợp với Hội đồng quản lý sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

3. Kho bạc Nhà nước: Hướng dẫn các tổ chức ứng vốn, mở tài khoản nhận vốn, hoàn trả vốn ứng và các thủ tục hành chính theo quy định của ngành có liên quan đến Quỹ. Kiểm soát việc hoàn trả vốn ứng theo quy định của pháp luật và Quyết định này.

4. Cơ quan, đơn vị, địa phương và tổ chức được ứng vốn

a) Có trách nhiệm phối hợp với Quỹ thực hiện các quy định tại Quyết định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan; quản lý và sử dụng vốn ứng đúng mục đích, công khai, minh bạch và có hiệu quả;

b) Bố trí nguồn hoàn trả và hoàn trả vốn ứng, chi phí quản lý vốn ứng theo đúng thời hạn quy định.

5. Các tổ chức, cá nhân lợi dụng chức vụ, quyền hạn nhằm trục lợi; tham ô, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; cố ý làm trái gây thất thoát tiền và tài sản của Nhà nước trong hoạt động của Quỹ thì tùy theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 27. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 10 năm 2025 và thay thế Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc ban hành quy định về tổ chức lại và quản lý, sử dụng Quỹ Phát triển đất tỉnh Hưng Yên.

2. Các nội dung chưa được quy định trong Quyết định này, được áp dụng các văn bản pháp luật có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Quỹ. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo quy định tương ứng tại văn bản sửa đổi, bổ sung thay thế đó.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng sở, ban, ngành tỉnh; Giám đốc Kho bạc nhà nước Khu vực VI; Giám đốc Quỹ Phát triển đất; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 26;
- Bộ Tài chính (Vụ Pháp chế);
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Vụ Pháp chế);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản và quản lý xử lý VPHC);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (CSDLQG về pháp luật);
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin – Hội nghị tỉnh;
- Lưu: VT, TH^{VT}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Quang Hưng